

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG ẢNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 5 năm 2025
“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG ẢNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Vừ A Sinh**

2. Ông: **Lường Văn Hưởng**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Hồng Hạnh - Thư ký Tòa
án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Trí Giáp – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 05 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mường
Ảng, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý
số: 23/2025/TLST-HN&GD ngày 19 tháng 3 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh
chấp về nuôi con khi ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lò Thị B**, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Bản P, xã XL, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị B: Bà **Lê Thị Thuý A** -
Trợ giúp viên pháp lý. Nơi công tác: Chi Nhánh trợ giúp pháp lý số 3 thuộc
Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (Có mặt).

Bị đơn: Anh **Đinh Văn G**, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Thôn TĐ, xã VP, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh B. (Vắng mặt có
lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 17/3/2025, bản tự khai đề ngày 24/3/2025 và
tại phiên toà chị B trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh **Đinh Văn G** đăng ký kết hôn ngày 06/5/2011 tại
UBND xã XL, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Trước khi lấy nhau hai bên tự
tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác
động bên ngoài. Sau khi cưới tôi và anh G chung sống hạnh phúc được 11 năm.
Sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm
sống. Mâu thuẫn giữa tôi và anh G ngày càng xấu đi mặc dù đã được hai bên gia
đình khuyên giải nhiều lần nhưng không thành. Do mâu thuẫn kéo dài từ tháng
12/2022 đến nay tôi và anh G sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tôi làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng giải quyết việc ly hôn giữa tôi và anh Đình Văn G.

- **Về con chung:** Trong quá trình chung sống, chúng tôi có 02 người con chung là cháu Đình Thị Thanh B, sinh ngày 07/9/2011 và cháu Lò Thị Thu M, sinh ngày 19/11/2016. Nguyên vọng của tôi sau khi ly hôn tôi được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 cháu B và cháu M cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng đối với con chung tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung, tài sản riêng:** Tôi và anh G không có.

- **Về nợ chung, nợ phải trả, nợ thu về:** Tôi và anh G không có.

*** Bị đơn:** Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/01/2025 anh Đình Văn G trình bày: Tôi nhất trí ly hôn với chị Lò Thị B.

Về con chung: Chúng tôi có 02 người con chung là cháu Đình Thị Thanh B, sinh ngày 07/9/2011 và cháu Lò Thị Thu M, sinh ngày 19/11/2016. Tôi nhất trí để chị B nuôi cả hai cháu.

Về cấp dưỡng đối với con chung: Khi nào tôi có tiền thì tôi gửi cho các cháu sau.

- **Về tài sản chung, tài sản riêng:** Không có.

- **Về nợ chung, nợ phải trả, nợ thu về:** Không có.

Ngày 19/3/2025 anh G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nội dung đơn anh vẫn giữ nguyên như bản tự khai.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:** Yêu cầu của chị B là có căn cứ và hợp pháp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị B cụ thể như sau:

Thứ nhất về hôn nhân: Chị Lò Thị B và anh Đình Văn G đăng ký kết hôn ngày 06/5/2011 tại UBND xã XL, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Trước khi lấy nhau hai bên tự tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động bên ngoài. Sau khi cưới chị và anh G chung sống hạnh phúc được 11 năm. Sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Do mâu thuẫn kéo dài từ tháng 12/2022 đến nay chị B và anh G sống ly thân. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị B và tuyên bố chị Lò Thị B được ly hôn anh G.

Thứ hai về con chung: Chị B và anh G có 02 người con chung là cháu Đình Thị Thanh B, sinh ngày 07/9/2011 và cháu Lò Thị Thu M, sinh ngày 19/11/2016. Nguyên vọng của chị B về việc giải quyết con chung là sau khi ly hôn, chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu B và cháu M đến khi các cháu đủ 18 tuổi; anh Đình Văn G cũng nhất trí để chị B nuôi con chung.

Chị B không yêu Tòa án giải quyết về dưỡng nuôi con chung. nên đề nghị Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của chị Lò Thị B về việc giao nuôi con chung cũng như vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Thứ ba: Trong quá trình chung sống chị B và anh G không có tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 147 BLTTDS, Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm **không có giá ngạch** cho chị Lò Thị B.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án:**

- Tòa án đã lấy lời khai của 02 cháu cháu Đinh Thị Thanh B và cháu Lò Thị Thu M;

- Xác M nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị Lò Thị B và anh Đinh Văn G tại bản P, xã XL, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên; Biên bản xác M điều kiện kinh tế của chị Lò Thị B tại bản P, xã XL, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

*** Quan điểm của đại diện VKSND huyện Mường Ảng:** Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu, tổng đạt các văn bản tố tụng.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa theo quy định tại các Điều 227, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử:

- **Về hôn nhân:** Tuyên bố chị Lò Thị B được ly hôn anh Đinh Văn G.

- **Con chung:** Giao 02 cháu cháu Đinh Thị Thanh B, sinh ngày 07/9/2011 và cháu Lò Thị Thu M, sinh ngày 19/11/2016 cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về:** Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Án phí:** Đề nghị áp dụng Điều 147 BLTTDS, Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm **không có giá ngạch** cho chị Lò Thị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện VKSND huyện Mường Ảng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35

và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (**Chị Lò Thị B và anh Đinh Văn G có biên bản thoả thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng giải quyết theo biên bản thoả thuận ngày 17/3/2025**).

Ngày 19/3/2025, Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án về “**Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn**”. Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án tiến hành tổng đạt cho bị đơn là anh Đinh Văn G theo quy định của pháp luật. Đồng thời Tòa án triệu tập anh G lên Tòa án để làm việc, anh G có mặt và đã có ý kiến trình bày.

Tòa án ra thông báo về Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đã tiến hành tổng đạt theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn không có mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ.

Ngày 11/4/2025 chị B có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải.

Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt Quyết định theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lò Thị B có mặt, bị đơn là anh Đinh Văn G vắng mặt có lý do, căn cứ khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[2] Nội dung vụ án:

* *Về hôn nhân*: Theo đơn xin ly hôn của chị B và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử thấy: Chị B và anh Đinh Văn G đăng ký kết hôn ngày 06/5/2011 tại UBND xã XL, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Trước khi lấy nhau hai bên tự tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động bên ngoài. Sau khi cưới chị và anh G về sống tại bản bản P, xã XL, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên được 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng anh chị được hai bên gia đình khuyên bảo và hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Do mâu thuẫn kéo dài từ tháng 12/2022 đến nay chị B và anh G sống ly thân. Chị Lò Thị B xin ly hôn anh Đinh Văn G cũng nhất trí. Xét thấy, vợ chồng anh chị đã sống ly thân, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bổn phận của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị B và anh G đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 51 và khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Lò Thị B. Tuyên xử cho chị Lò Thị B được ly hôn với anh Đinh Văn G.

* *Về con chung*: Chị Lò Thị B và anh Đinh Văn G có 02 người con chung là cháu Đinh Thị Thanh B, sinh ngày 07/9/2011 và cháu Lò Thị Thu M, sinh ngày 19/11/2016. Chị B có nguyện vọng sau khi ly hôn, chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh G cũng nhất trí để chị B nuôi cả hai cháu.

Hai cháu B, cháu M có nguyện vọng và mong muốn ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu B, cháu M đã lớn có nguyện vọng được mẹ chăm sóc, học tập tốt nên để không gây xáo trộn về tâm lý đồng thời đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần cũng như quyền lợi về mọi mặt, phù hợp với nguyện vọng của

các cháu nên Hội đồng xét xử, áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình cần chấp nhận nguyện vọng của chị B về việc giao nuôi con chung.

Chị B, anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

* *Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ thu về*: Chị B, anh G không có nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[3] Về án phí: **Áp dụng** Điều 147 BLTTDS, Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm **không có giá ngạch** cho chị Lò Thị B.

Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu ý kiến hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 của BLTTDS 2015.
- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84, Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình.
- Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị B: Chị Lò Thị B được ly hôn anh Đinh Văn G.

2. Về con chung: Giao 02 cháu cháu Đinh Thị Thanh B, sinh ngày 07/9/2011 và cháu Lò Thị Thu M, sinh ngày 19/11/2016 cho chị Lò Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Chị B, anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Anh G có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về: Đương sự không có.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm **không có giá ngạch** cho chị Lò Thị B.

5. Quyền kháng cáo: Chị B, anh G được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của người vắng mặt.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- UBND xã XL, h. Mường Ảng;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vân